



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**  
(VITRANSCHART JSC)

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. HCM  
Điện thoại: (08) 3940 4271 Fax: (08) 3940 4711

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	1/1/2008	12/31/2008
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>583.075.787.149</b>	<b>459.155.584.879</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	106.366.195.548	254.112.301.444
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	407.394.638.601	83.856.212.410
4	Hàng tồn kho	59.948.605.588	44.235.821.706
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.366.347.412	76.951.249.319
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1.598.686.898.667</b>	<b>2.097.987.044.898</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	-	-
	- Tài sản cố định hữu hình	1.470.416.117.756	1.799.461.204.542
	- Tài sản cố định vô hình	5.056.358.091	4.943.642.604
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.239.428.131	247.152.317.195
3	Bất động sản đầu tư	3.734.908.192	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.685.914.650	19.685.914.650
5	Tài sản dài hạn khác	34.554.171.847	26.743.965.907
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.181.762.685.816</b>	<b>2.557.142.629.777</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.751.056.493.153</b>	<b>2.053.787.034.695</b>
1	Nợ ngắn hạn	876.795.245.196	677.984.454.074
2	Nợ dài hạn	874.261.247.957	1.375.802.580.621
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>430.706.192.663</b>	<b>503.355.595.082</b>
1	Vốn chủ sở hữu	400.000.000.000	482.162.750.161
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	9.587.513.166
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	-	19.175.026.332
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	53.400.210.663
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	30.706.192.663	21.192.844.921
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.706.192.663	21.192.844.921
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.181.762.685.816</b>	<b>2.557.142.629.777</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2008**

(Báo cáo đã kiểm toán)

**II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.445.879.000.414	2.187.114.764.481
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	25.643.873.222	51.518.138.516
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.420.235.127.192	2.135.596.625.965
4	Giá vốn hàng bán	1.156.231.377.138	1.899.027.471.102
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.003.750.054	236.569.154.863
6	Doanh thu hoạt động tài chính	15.324.461.335	73.720.934.782
7	Chi phí tài chính	79.161.532.043	221.330.647.535
8	Chi phí bán hàng	45.124.428.694	45.612.200.125
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.545.240.928	49.805.062.159
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	124.497.009.724	(6.457.820.174)
11	Thu nhập khác	2.733.447.312	284.308.707.519
12	Chi phí	20.051.381.746	11.591.395.806
13	Lợi nhuận khác	(17.317.934.434)	272.717.311.713
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.179.075.290	266.259.491.539
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.142.629.147	74.509.228.212
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	102.036.446.143	191.750.263.327
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.551	4.794
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

**V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	73,28%	82,04%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	26,72%	17,96%
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	80,26%	80,32%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	19,74%	19,68%
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,61
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,25	1,25
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,68%	7,50%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,18%	8,98%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở	%	25,51%	39,77%

Ghi chú: - Số liệu năm 2007 là số đã điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán BCTC năm 2007 của Kiểm toán Nhà nước và Biên bản kiểm tra thuế năm 2007 của Cục thuế TPHCM.

Kế toán trưởng  
(Đã ký)  
Vũ Minh Phương

TP. HCM ngày 26 tháng 03 năm 2009  
Tổng Giám đốc  
(Đã ký)  
Huỳnh Hồng Vũ